

Số: 12/2026/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách thu hút người có tài năng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 -2028

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 519/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách thu hút người có tài năng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2028.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng, điều kiện áp dụng, mức hỗ trợ, trách nhiệm của người được hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện đối với chính sách thu hút người có tài năng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2028 theo quy định tại khoản 2 Điều 8; điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư; tiến sĩ thuộc ngành, lĩnh vực tỉnh cần thu hút.

2. Người được tuyển dụng, tiếp nhận theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP thuộc ngành, lĩnh vực tỉnh cần thu hút, gồm:

- a) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng;
- b) Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam hoặc người nước ngoài.

3. Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách thu hút thuộc tỉnh Phú Thọ.

4. Các trường hợp không áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, gồm:

a) Trường hợp thuộc đối tượng áp dụng chính sách ưu đãi sau tuyển dụng quy định tại Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực y tế làm việc tại các cơ quan, đơn vị công lập thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý giai đoạn 2026 - 2030;

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ được tiếp nhận, điều động sang cơ quan, đơn vị khác cũng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ;

c) Trường hợp chuyển từ viên chức sang công chức hoặc từ công chức sang viên chức trong phạm vi các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh mà không phải là tuyển dụng mới hoặc tiếp nhận từ ngoài tỉnh, từ cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

d) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bỏ việc, thôi việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, chuyển công tác ra khỏi các cơ quan, đơn vị công lập thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý, sau đó đề nghị được tuyển dụng, tiếp nhận đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị công lập thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý.

đ) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền tiếp

nhận về công tác tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Tuân thủ, chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nội dung tại Nghị quyết này. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền; không để xảy ra tình trạng trục lợi trong việc thực hiện chính sách.

2. Việc xác định đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ bảo đảm theo chức năng, nhiệm vụ được giao và vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị; đồng thời gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng trong việc đánh giá nhu cầu, bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người được thu hút theo Nghị quyết này.

3. Trường hợp đã được hưởng chính sách cùng nội dung, cùng mục đích theo nghị quyết của tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình hoặc Phú Thọ trước khi sáp nhập thì không tiếp tục hưởng trùng chính sách đó theo Nghị quyết này.

Điều 4. Điều kiện áp dụng

1. Các ngành, lĩnh vực trọng điểm, quan trọng ưu tiên thu hút người có tài năng: Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục và đào tạo; văn hóa nghệ thuật; khoa học xã hội; thể dục thể thao, du lịch; thông tin và truyền thông; kinh tế, tài chính; lĩnh vực công nghệ chiến lược như: Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chip bán dẫn, an ninh mạng...; lĩnh vực, ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn (cơ khí chế tạo, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp công nghệ số...); nông nghiệp, tài nguyên và môi trường; giao thông, xây dựng; pháp luật.

Hàng năm, căn cứ danh mục lĩnh vực, ngành nghề quy định tại khoản 1 Điều này, chỉ tiêu biên chế, nhu cầu vị trí việc làm, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể lĩnh vực, ngành cần ưu tiên thu hút phù hợp với tình hình thực tiễn kinh tế - xã hội và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng tâm do các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu, đề xuất.

2. Người được thu hút có trình độ chuyên môn thuộc các ngành, lĩnh vực tỉnh cần thu hút do Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo hàng năm hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý thu hút để đáp ứng nhu cầu cho các cơ quan, đơn vị. Văn bằng tốt nghiệp của các trường hợp được đào tạo tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, trường hợp được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Về độ tuổi thu hút:

a) Các trường hợp thu hút thông qua tuyển dụng, tiếp nhận không quá 45 tuổi tại thời điểm nộp hồ sơ tuyển dụng hoặc thời điểm cơ quan tiếp nhận có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị tiếp nhận; trường hợp đặc biệt là giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành chỉ được xem xét vượt độ tuổi khi thuộc danh mục vị trí, lĩnh vực cần

thu hút do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Các trường hợp được tuyển dụng thu hút theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định về độ tuổi tại Nghị định này.

4. Các trường hợp thuộc điểm a khoản 3 Điều này được tiếp nhận thu hút về tỉnh phải có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian 3 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ tiếp nhận.

5. Việc thu hút người có tài năng được thực hiện thông qua hình thức tiếp nhận, tuyển dụng. Trình tự tiếp nhận, tuyển dụng người có tài năng thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 179/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm của người được thu hút

1. Người được thu hút phải chấp hành sự phân công công tác của cơ quan có thẩm quyền; có đơn cam kết thời gian công tác tại tỉnh Phú Thọ ít nhất 10 năm kể từ khi có quyết định tuyển dụng, quyết định tiếp nhận.

2. Thôi hưởng chính sách hỗ trợ và hoàn trả 100% kinh phí hỗ trợ đã nhận nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Sử dụng giấy tờ không hợp pháp trong hồ sơ tuyển dụng hoặc hồ sơ đề nghị tiếp nhận.

b) Trong thời gian thực hiện cam kết bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; hoặc không thực hiện đúng cam kết về thời gian công tác; hoặc có 02 năm liên tiếp bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; hoặc cá nhân có nguyện vọng thôi áp dụng chính sách thu hút người có tài năng quy định tại Nghị quyết này.

3. Thôi hưởng chính sách hỗ trợ và hoàn trả 50% kinh phí hỗ trợ đã nhận nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian thực hiện cam kết có 01 năm bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

b) Trong thời gian thực hiện cam kết bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo hoặc hạ bậc lương thì phải hoàn trả 50% kinh phí hỗ trợ đã nhận; mỗi hành vi vi phạm chỉ áp dụng một lần hậu quả hoàn trả.

4. Trường hợp cá nhân đã được hưởng chính sách theo Nghị quyết này nhưng không thể tiếp tục thực hiện cam kết do chết, tai nạn, bệnh hiểm nghèo hoặc không còn khả năng lao động có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì không phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ đã nhận, trừ trường hợp sử dụng giấy tờ không hợp pháp theo điểm a khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ thì thời hạn chậm nhất là 120 ngày kể từ ngày nhận được quyết định yêu cầu hoàn trả kinh phí của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp không hoàn trả đầy đủ theo quy định thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ

1. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này, ngoài chính sách được hưởng theo quy định của Trung ương, được hưởng thêm chính sách hỗ trợ của tỉnh như sau:

- a) Người có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư được hỗ trợ 1.000 triệu đồng.
- b) Người có trình độ tiến sĩ được hỗ trợ 500 triệu đồng.
- c) Người có trình độ thạc sĩ được hỗ trợ 200 triệu đồng.
- d) Người có trình độ đại học được hỗ trợ 100 triệu đồng.

2. Trường hợp một người đồng thời thuộc nhiều nhóm đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị quyết này thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

3. Thời gian hỗ trợ: Sau khi có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận được hỗ trợ 40% tổng mức hỗ trợ. Phần còn lại được chi trả hằng năm trong 02 năm tiếp theo, mỗi năm 30% mức hỗ trợ, căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của năm công tác liền kề trước thời điểm chi trả từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp năm đánh giá không đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên thì không được chi trả phần hỗ trợ của năm đó và không được cộng dồn sang năm sau. Trường hợp thời gian công tác trong năm chưa đủ 12 tháng thì việc chi trả được xem xét sau khi người được thu hút có đủ 12 tháng công tác và được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định và nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, kinh phí thực hiện chính sách do đơn vị tự bảo đảm từ nguồn tài chính hợp pháp của đơn vị, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Việc thực hiện chính sách hằng năm phải trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

2. Đối với người đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hưởng chính sách trước ngày Nghị quyết này hết hiệu lực mà đến ngày 31 tháng 12 năm 2028 chưa hưởng đủ thời gian hoặc mức hỗ trợ theo Nghị quyết này thì tiếp tục được hưởng phần chính sách còn lại theo quyết định phê duyệt, trừ trường hợp thôi hưởng chính sách hoặc phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XX, kỳ họp thứ Ba (kỳ họp thường lệ) thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, TTDN.

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình